

Bản án số: **13/2025/HC-ST**

Ngày: 15/01/2025

*V/v: Khiếu kiện QĐ Hành
chính trong lĩnh vực đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN thành phố H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn T K T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Vũ Văn T**
Ông Hoàng Đức T

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà C Thị Bích L** - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: **Bà Phạm T L** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 17/2023/HCST ngày 06/02/2023 về việc khiếu kiện đối với Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2024/QĐXXST-HC ngày 26/11/2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Ông Nguyễn A Đ**, sinh năm 1974. Trú tại: Ấp Mỹ Hoà, thị trấn Cây D, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Nguyễn T Đ H**, sinh năm 1976. Địa chỉ: P203 chung cư Minh Đại Lộc 6, TDP Đ, ngõ 351/5 đường T, phường T, quận B, thành phố H (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị kiện:

- **Ủy ban nhân dân quận B**, thành phố H. Địa chỉ trụ sở: Khu liên cơ phường M, quận B, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Vũ Duy H**, chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo Quyết định ủy quyền số 78/QĐ-UBND ngày 8/1/2025) (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- **Ông Cao N H** - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (Vắng mặt tại phiên tòa)

- **Ông Phạm N A**- Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B**, thành phố H (Vắng mặt tại phiên tòa).

- **Ủy ban nhân dân phường X**, quận B, thành phố H. Trụ sở: Phường X, quận B, thành phố H (Vắng mặt tại phiên tòa)

- **Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng**. Trụ sở: Số 05 phố Nguyễn Tri Phương, phường Đ, quận B, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Khắc T**, chức vụ: Trưởng Ban pháp chế - Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- **Bà Nguyễn T B**, sinh năm 1977; **Anh Nguyễn T H**, sinh năm 1998; **Anh Nguyễn T Q**, sinh năm 2004. Cùng trú tại: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

- **Ông Nguyễn Khắc P**, sinh năm 1950; **Bà Nguyễn Thị N S** sinh năm 1949. Cùng trú tại: Tổ dân phố Trung 3, phường X, quận B, thành phố H.

- **Bà Nguyễn T Đ H**, sinh năm 1976, **chị Trần Q G**, sinh năm 2005. Cùng trú tại: P203 chung cư Minh Đại Lộc 6, TDP Đình, ngõ 351/5 đường T, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn T B, anh Nguyễn T H, anh Nguyễn T Q, ông Nguyễn K P, bà Nguyễn Thị N S, chị Trần Q G: **Bà Nguyễn T Đ H** (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện ông Nguyễn A Đ trình bày: Về nguồn gốc đất: Đối với diện tích 35,8m² đất ở của gia đình ông quản lý sử dụng vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993 liên tục ổn định, không tranh chấp. Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi 57,0m² đất của gia đình ông có ghi rõ:

+ 17,2m² đã được UBND huyện T L cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 13221/QĐ-UBND ngày 30/12/2011;

+ 39,8m² đất có nguồn gốc là đất quốc phòng, trong đó: 35,8m² đất sử dụng trước ngày 15/10/1993 đến nay; 4,0m² đất sử dụng sau ngày 01/7/2004 đến nay.

Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư bồi thường cho gia đình ông diện tích 17,2m² đã được cấp GCNQSD đất, còn 39,8m² không bồi thường, hỗ trợ vì là diện tích đất giao thông sử dụng chung.

Hai quyết định này của UBND quận B đã không nhất quán về nguồn gốc đất và không thực hiện bồi thường diện tích 35,8m² cho gia đình ông. Ông khẳng định nguồn gốc diện tích 39,8m² không phải là đất Quốc phòng.

Ngày 30/12/2011, UBND huyện T L cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD829264 cho ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B thừa đất số -/-, tờ bản đồ số -/- địa chỉ số 04A dãy B1 khu tập thể Công ty 695 xã X, huyện T L, thành phố H với diện tích đất ở lâu dài = 17,2m² nhà ở xây dựng với diện tích 17,2m², còn lại diện tích không cấp giấy chứng nhận là 35,8m².

Gia đình ông đã đóng thuế đất ở với diện tích là 57,0m² đất ở đô thị, vị trí 1 đường P.

Năm 2018 UBND phường X có thông báo số 215/TB-UBND ngày 27/7/2018 về việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho các hộ gia đình thuộc khu tập thể Quân đội trên địa bàn phường X có Nội dung: "Hiện nay còn một số trường hợp các hộ gia đình Quân đội trên địa bàn phường X chưa được cấp GNOSĐĐ và các hộ trước đây được mua nhà theo diện hóa giá cấp 3 cấp 4, mua nhà theo ND 61/CP còn một phần diện tích đất liền kề chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Vậy UBND phường X thông báo đến các hộ gia đình quân đội nằm trên địa bàn phường X, thuộc đối tượng nêu trên liên hệ Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà &ĐT/BQP để được hướng dẫn thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo quy định." Căn cứ pháp lý: Theo bản kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H có nội dung: Đơn vị quân đội cũng tự ý chuyển đất khu doanh trại, đất khu cơ quan sang xây dựng khu gia đình để các hộ tự xây dựng nhà ở

"Đơn vị 29069 thuộc Cục quân nhu được hợp thức 9.484m² đất doanh trại làm khu tập thể nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ đền bù"

Từ năm 1988 Tổng cục Hậu cần phân phối nhà đất tại đây cho gia đình mẹ ông do vậy đây là đất ở liền kề thuộc quyền sử dụng ổn định hợp pháp của gia đình ông chứ không còn là đất quân đội quản lý. Việc không đền bù, cũng không hỗ trợ diện tích đất này của gia đình ông là trái pháp luật. Đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất liền kề (đã được ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) này cho gia đình ông.

Căn cứ theo khoản 1, điểm h, i khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn luật Đất đai; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định Bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Tháng 9 năm 2020, gia đình ông có làm Đơn đề nghị bổ sung về việc UBND quận phê duyệt bổ sung các quyền lợi hợp pháp còn thiếu trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường của gia đình ông. UBND quận B ra Quyết định số 1371/QĐ-UBND phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường nhưng ông vẫn không nhận được phần bồi thường diện tích 39,8m².

Theo Quyết định số 7936/ QĐ-UBND quận B ngày 28/12/2018 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường vành đai 3 đoạn (Mai D- Cầu T) tại phường X, quận B có nội dung ghi 39,8m² đất có nguồn gốc là đất quốc phòng.

Quyết định số 7988/ QĐ -UBND ngày 28/12/2018, có nội dung thu hồi 57,0m² trong đó được bồi thường 17,2m² diện tích được cấp GCNQSDĐ và 39,8m² không bồi thường, hỗ trợ lí do là diện tích đất giao thông sử dụng chung.

Rõ ràng trong việc bồi thường UBND quận B đã có sự không đúng và không nhất quán về nguồn gốc diện tích 39,8m² mà gia đình ông sử dụng là đất liền kề với diện tích 17,2m² đã được UBND huyện T L cấp quyền sử dụng đất tại Quyết định số 13221/QĐ-UBND ngày 30/12/2021.

Ông Nguyễn A Đ đề nghị Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M – Cầu T) tại phường X, quận B;

Hủy Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn M – Cầu T tại phường X, quận B;

Hủy Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B v/v phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn M – Cầu T tại phường X, quận B;

Buộc UBND quận B phải bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích 39,8m² đất bị thu hồi theo đúng hiện trạng sử dụng là đất ở

Buộc UBND quận B phải bồi thường, hỗ trợ phần tài sản là nhà, tài sản khác gắn liền trên đất bị phá dỡ giải tỏa mặt bằng để thực hiện dự án bằng đơn giá 100% đơn giá xây dựng theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi tại Dự án: Diện tích đất ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B đang sử dụng, thu hồi tại Dự án là 57,0m² đất, thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 44, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X (nay là phường X), Sổ mục kê năm 1994 thể hiện: "Quân đội", trong đó có:

- 17,2m² đất ở đã được UBND huyện T L cấp GCNQSD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Quyết định số 13221/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND huyện T L, số vào sổ GCNQSDĐ số CH00708;

- 35,8m² đất thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Quyết định số 13221/QĐ-UBND ngày

30/12/2011 của UBND huyện T L, số vào sổ GCN QSDĐ số CH00708, thuộc phần diện tích không được cấp GCN; Có nguồn gốc là đất quốc phòng; Người sử dụng đất đã tự sử dụng vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993 đến nay;

- 4,0m² đất không thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Có nguồn gốc là đất quốc phòng; Người sử dụng đất đã tự sử dụng vào mục đích để ở từ sau năm 2004 đến nay

Căn cứ giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp và hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường X đã xác nhận diện tích 57,0m² đất thu hồi tại Dự án thể hiện như sau:

- 57 m² đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 44, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X (nay là phường X). Trong đó:

+ 17,2 m² đất ở đã được UBND huyện T L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 13221/QĐ-UBND ngày 30/12/2011;

+ 35,8m² đất có nguồn gốc là đất quốc phòng; Người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ trước vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993 đến nay;

+ 4,0m² đất có nguồn gốc là đất quốc phòng; Người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ sau năm 2011 đến nay;

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của UBND phường X đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B và căn cứ quy định pháp luật hiện hành, UBND quận B đã ban hành quyết định thu hồi 57,0m² đất do ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B có hộ khẩu thường trú tại phường X, quận B sử dụng để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 trên địa bàn quận B tại Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018.

Như vậy, UBND phường X đã xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và UBND quận B đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B là phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật đất đai 2013, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của UBND phường X đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B, căn cứ quy định pháp luật hiện hành và các chính sách đã được UBND thành phố H chấp thuận. UBND quận B đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B có hộ khẩu thường trú tại phường X, quận B sử dụng để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) trên địa bàn quận B tại Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Quyết định số Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 15/7/2022. Cụ thể như sau:

Bồi thường, hỗ trợ đất: Vị trí thửa đất hiện trạng được xác định là vị trí 3 đường Phạm V Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H và giá đất cụ thể tại vị trí 3 đường Phạm Văn Đ đã được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 là 27.473.000 đồng/m².

- Phương án bồi thường, hỗ trợ đất như sau:

+ 17,2m² x 27.473.000đồng/m²=472.535.6000 đồng

+ 39,8m² đất không tính hỗ trợ.

Ngày 21/8/2020, Văn phòng UBND thành phố H ban hành Thông báo số 310/TB-VP về việc kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố H tại cuộc họp xem xét xác định vị trí thửa đất làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại của một số công dân khi thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 đoạn M - Cầu T. Theo đó, UBND Thành phố cho phép UBND quận B áp dụng giá đất được xác định theo vị trí 1 đường Phạm V Đ nhân hệ số 0,9 (tương tự các trường hợp đã được UBND Thành phố chấp thuận tại Thông báo số 48/TB-VP ngày 21/02/2019) để bồi thường đối với phần diện tích đất ở bị thu hồi của 13 hộ gia đình, cá nhân tại phường X. Trong đó có trường hợp ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B.

Ngày 17/5/2022, UBND quận B ban hành Quyết định số 1371/QĐ-UBND về phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn M - Cầu T tại phường X, quận B. Theo đó, UBND quận B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất như sau:

+ 17,2m² x 59.103.000 đồng/m²=1.016.571.600 đồng (Đơn giá: 65.670.000 đồng x 0,9 =59.103.000 đồng (theo vị trí 1 đường Phạm V Đ x hệ số k=0,9))

+ 39,8m² đất không tính hỗ trợ.

Như vậy, UBND quận B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B tại Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Quyết định số Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 là đúng quy định tại Điều 74, 75, 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 5, 6 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H và các chính sách đã được UBND thành phố H chấp thuận.

Hỗ trợ công trình xây dựng trên đất: Ngày 27/3/2017, UBND phường X có Giấy xác nhận số 55/XN-XĐ đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B. Theo đó, UBND phường X xác nhận các công trình xây dựng gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất tại dự án được gia đình xây dựng và hoàn thành từ sau năm 2011 (do các công trình trên đất không còn phù hợp với công trình trên GCN cấp năm 2011). Do công trình xây dựng của ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B được tạo

lập sau ngày 01/7/2004 (ngày Luật Xây dựng năm 2003 có hiệu lực) và không cung cấp được giấy phép xây dựng nên UBND quận B đã phê duyệt phương án hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng công trình. Như vậy, phương án hỗ trợ công trình xây dựng trên đất đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B đã được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 là đúng với quy định tại Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Theo Giấy xác nhận ngày 28/4/2017 của Công an phường X đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B cho thấy: Tại địa chỉ thu hồi đất có 01 hộ với 08 nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống, UBND quận B đã phê duyệt các khoản bồi thường, hỗ trợ khác như sau:

- Bồi thường chi phí di chuyển tài sản trong phạm vi thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

- Hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Như vậy, phương án các khoản bồi thường, hỗ trợ khác đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B đã được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 là đúng với quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt.

Về tái định cư: Diện tích ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B bị thu hồi tại Dự án là 57,0m² đất (một phần diện tích điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất), diện tích đất còn lại là 0,1m² đất (Không đủ điều kiện để ở) và không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường (nơi thu hồi đất) nên đủ điều kiện được bồi thường 01 căn hộ chung cư để tái định cư theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Mặt khác, ông Nguyễn A Đ và gia đình cũng đang trực tiếp sinh sống tại địa chỉ thu hồi đất với 08 nhân khẩu nên được xem xét bán thêm 01 căn hộ tái định cư theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 26 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

Do đó, UBND quận B đã phê duyệt phương án bố trí 02 căn hộ tái định cư đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ, Điều 7 và điểm a, khoản 1 Điều 26 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

UBND quận B nhận được đơn đề nghị hỗ trợ bằng tiền để tự lo tái định cư của ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B nên UBND quận B đã phê duyệt phương án hỗ trợ tự lo tái định cư đối với gia đình theo quy định tại Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND thành phố H.

Như vậy, UBND quận B đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B là đúng quy định pháp luật và đúng chỉ đạo của UBND thành phố H.

Quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Ngay sau khi UBND quận B ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B đã phối hợp với UBND phường X, UBMTTQ phường X và tổ công tác dự án đã thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B không nhận tiền và không chấp hành bàn giao diện tích đất đã thu hồi cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B để thực hiện Dự án.

Thực hiện quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 69 Luật đất đai năm 2013, UBND phường X, UBMTTQ phường X chủ trì phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B tổ chức vận động, thuyết phục, giải thích các quy định pháp luật đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B. Ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B đã được giải thích, vận động song vẫn không chấp hành bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án.

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B, ngày 05/3/2019, Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm đã ban hành Quyết định số 1008/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B do không chấp hành Quyết định số 7936/QĐ-UBND và Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) tại phường X, quận B.

Như vậy, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 05/03/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B là phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ, Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

Giải quyết đơn thư: UBND quận B không nhận được đơn của ông Nguyễn A Đ, bà Nguyễn T B và các cá nhân có liên quan.

Căn cứ quy định pháp luật và từ những phân tích, tổng hợp nêu trên cũng như người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản không cung cấp thêm bất cứ giấy tờ, tài liệu nào khác. Do vậy, UBND quận B và Chủ tịch UBND quận B giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với ông Nguyễn A Đ. Kiến nghị Tòa án Nhân dân thành phố H nghiên cứu và xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật và sẽ thực hiện nghiêm theo Bản án của Tòa án Nhân dân thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng trình bày:** Bà Nguyễn Thị N S, cấp bậc CV-QP, được phân phối nhà ở tại Phòng số 4, tầng 1, nhà B1 thuộc khu tập thể cán bộ Xí nghiệp 164/Công ty 695/Binh đoàn 11/Tổng cục Hậu cần (tại Quyết định số 164-22, tháng 10/1988).

Năm 1998, Binh đoàn 11/Tổng cục Hậu cần đã ký Biên bản bàn giao nhà ở, đất ở thuộc sở hữu nhà nước (trong đó có bàn giao khu tập thể cán bộ Xí nghiệp 164 nơi bà N được phân phối nhà ở) với Công ty Kinh doanh nhà H/Bộ Quốc phòng (nay là Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Bộ Quốc phòng) làm cơ sở để Công ty Kinh doanh nhà H/Bộ Quốc phòng hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ và bàn giao ra địa phương quản lý theo đúng chủ trương của Chính phủ, Bộ Quốc phòng.

Tổng Cục hậu cần Bộ Quốc phòng xin được giải quyết vắng mặt.

- **Ủy ban nhân dân phường X** không có ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu chứng cứ.

- **Bà Nguyễn T B, anh Nguyễn T H, anh Nguyễn T Q, ông Nguyễn K P, bà Nguyễn Thị N S, bà Nguyễn T Đ H, chị Trần Q G** thống nhất với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A Đ và ủy quyền cho bà Nguyễn T Đ H.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Quá trình giải quyết, thẩm phán được phân công đã thực hiện các quy định các khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 15 Điều 38, 131 của Luật TTHC. Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án được thực hiện theo quy định tại Điều 82 đến Điều 85 Luật TTHC. Thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định của Luật TTHC; các đương sự đã có bản tự khai, được Tòa án lấy lời khai và yêu cầu các đương sự cung cấp các tài liệu chứng minh quan điểm giải quyết vụ án. Thẩm phán đã ban hành Quyết định và thông báo trong quá trình tiến hành tố tụng thực hiện theo Điều 146 Luật TTHC. Việc gửi hồ sơ để VKS nghiên cứu được thực hiện theo Điều 147 Luật TTHC.

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Phiên tòa sơ thẩm được tiến hành đúng thời gian, địa điểm ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo các Điều 149, 150 Luật TTHC. HĐXX đã xét xử trực tiếp, bằng lời nói và phiên tòa được tiến hành tại phòng xử án theo đúng quy định tại Điều 152 Luật TTHC; Thành phần HĐXX và sự có mặt các thành viên HĐXX, của thư ký phiên tòa theo quy định Điều 154, 155 Luật TTHC

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký phiên tòa đã được thực hiện theo Điều 167, 169 Luật TTHC

Các đương sự: Người khởi kiện và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 55, 56, 57, 58, việc ủy quyền tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện theo quy định Điều 60 Luật TTHC, các đương sự này đã có lời khai tại Tòa án. Việc ủy quyền tham gia tố tụng hành chính của người bị kiện được thực hiện theo quy định của khoản 4 Điều 60 Luật TTHC.

Sau khi phân tích nội dung: Căn cứ Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 193 luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề xuất: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện. Hủy Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M – Cầu T) tại phường X, quận B; Hủy Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai D – Cầu T tại phường X, quận B đối với nội dung bồi thường đất; Hủy Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B v/v phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai D – Cầu T tại phường X, quận B đối với nội dung bồi thường về đất;

Về án phí: Do chấp nhận 1 phần yêu cầu của người khởi kiện nên Ủy ban nhân dân quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng: Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất, Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai D – Cầu T tại phường X, quận B của UBND quận B được ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính; Ngoài xem xét các quyết định hành chính bị kiện, Tòa án thấy cần phải xem xét Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND quận B;

Ngày 09/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố H nhận được Đơn khởi kiện của ông Nguyễn A Đ yêu cầu hủy các Quyết định hành chính nêu trên là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ủy ban nhân dân phường X vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) tại phường X, quận B, thấy rằng:

Về thẩm quyền và căn cứ thu hồi đất, Dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án. Thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc UBND cấp huyện. Do đó, Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B được ban hành bởi UBND quận B là đúng thẩm quyền và có căn cứ theo quy định Điều 66 Luật đất đai 2013.

Về trình tự thủ tục thu hồi đất, UBND quận B đã có Thông báo thu hồi đất

đôi với hộ gia đình. UBND phường X đã xác nhận nguồn gốc đất. Trường phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình Hội đồng BTHT và TĐC dự án thông qua và UBND phường X tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án. Trên cơ sở kết quả tổng hợp ý kiến và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ, UBND quận B ban hành Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 67, 69 Luật đất đai 2013.

Xét nội dung của Quyết định thu hồi đất, Hội đồng xét xử xem xét đến nguồn gốc và quá trình sử dụng 57m² đất của hộ gia đình ông Nguyễn A Đ.

Về nguồn gốc đất: Ngày 28/10/1988, bà Nguyễn Thị Nga S là mẹ đẻ ông Nguyễn A Đ (cấp bậc CN-QP đơn vị Xí nghiệp 164-TCHC) và chồng ông Nguyễn Khắc P được Tổng cục Hậu cần cấp Giấy quyết định phân phối nhà ở số 104-22 QĐ phân phối đến ở phòng số 04, tầng 01 nhà số B1 thuộc khu Tập thể gia đình cán bộ Xí nghiệp 164 – X (không ghi diện tích nhà và đất). Liên kề với gian nhà ở của bà S còn khoảng diện tích đất trống và gia đình bà đã tự sử dụng vào mục đích đất ở từ những năm 1988 đến khi bị thu hồi đất. Theo đó gia đình bà S sử dụng diện tích đất lưu không, có nguồn gốc là đất nông nghiệp (đất tiếp giáp mặt đường Phạm V Đ hiện nay) để sử dụng vào mục đích kinh doanh. Ngày 19/7/2000, ông Nguyễn Khắc P (chồng bà S) có đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất lưu không để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của gia đình và Chủ tịch UBND xã đồng ý yêu cầu nộp lệ phí theo quy định của địa phương. Gia đình bà tiếp tục quản lý diện tích đất lưu không và xây dựng nhà cấp 4 để kinh doanh dịch vụ và nộp lệ phí sinh lợi cho địa phương theo đơn đề nghị ngày 19/7/2000 đã được Chủ tịch UBND xã X xác nhận. Việc sử dụng diện tích đất lưu không này tiếp tục cho đến khi bị Nhà nước thu hồi đất.

Năm 2011, bà S và chồng ông P được UBND huyện T L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 829107 ngày 30/12/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị Nga S và ông Nguyễn Khắc P, thửa đất số -/-, tờ bản đồ số -/-, địa chỉ số 04, dãy B1, Khu TT Công ty 695, xã X, huyện T L, TP H; diện tích 35,6m². Cùng ngày 30/12/2011, ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B là con trai và con dâu bà S, ông P được UBND huyện T L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 829107 ngày 30/12/2011 đứng tên ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B, thửa đất số -/-, tờ bản đồ số -/-, địa chỉ số 04, dãy B1, Khu TT Công ty 695, xã X, huyện T L, TP H; diện tích 17,2m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận ông Đ, bà Thu B có khuôn viên sử dụng diện tích đất không được cấp Giấy chứng nhận là 35,8m².

Quá trình thực hiện dự án, gia đình ông Đ bị thu hồi diện tích 57m² đất diện tích còn lại 0,1m² đất. UBND phường X xác nhận thửa đất của hộ gia đình ông Đ thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 6, tờ bản đồ số 43 Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X (nay là phường X). Sổ mục kê diện tích đất thổ cư thôn Cáo Đình xác định diện tích 5776m² số thửa 17, loại đất: quân đội. Trong tổng

số diện tích 57m² đất thu hồi của ông Đ, UBND xác định: 17,2m² đất ở đã được UBND huyện T L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 39,8 đất có nguồn gốc là đất quốc phòng (35,8m² có thể hiện trên GCN QSDĐ nhưng không được cấp Giấy chứng nhận, người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993; 04m² đất người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 01/7/2004).

Hội đồng xét xử nhận thấy, UBND quận B cho rằng 35,8m² đất có nguồn gốc là đất quốc phòng là chưa phù hợp bởi lẽ, người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993 đến nay và vị trí đất này thuộc Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H: Theo Kháng nghị số 603 xác định UBND xã X có nhiều vi phạm, sơ hở trong quản lý đất đai, cụ thể: "... DT 197.924m² đất của 17 đơn vị quân đội mượn xã từ thời kỳ chiến tranh chưa quản lý sử dụng tốt, nhiều khu vực như đất ở Q164, trạm kiểm nghiệm xăng dầu đang bỏ hoang hóa. Đơn vị 29069 thuộc Cục quân nhu được hợp thức 9.484m² đất doanh trại làm khu tập thể nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ đền bù...". Như vậy, tại thời điểm ban hành kháng nghị số 603 đã xác định không còn là đất quốc phòng đối với khu vực đất ở Q164 (Khu tập thể mà Tổng cục Hậu cần phân nhà cho bà S). Kháng nghị đã chỉ rõ khu vực đất ở Q164 thuộc phạm vi quản lý của UBND xã X nhưng UBND đã có nhiều vi phạm đối với việc quản lý khu đất ở nêu trên dẫn đến để hoang hóa đất ở. Bên cạnh đó, hồ sơ của UBND quận B cung cấp không có tài liệu về việc từ thời điểm có kháng nghị đến nay có còn đơn vị Quốc phòng nào quản lý diện tích đất thuộc xã X. UBND và Chủ tịch UBND quận B không có lời khai về việc xác định đơn vị thuộc Bộ quốc phòng có thẩm quyền quản lý thửa đất có diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông Đ. Việc gia đình ông Đ sử dụng diện tích đất liền kề với gian nhà tập thể được phân phối từ năm 1988 cho bà S cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 829264 do UBND huyện T L cấp ngày 30/12/2011 ghi nhận gia đình ông Đ trong khuôn viên sử dụng có diện tích 35,8m² đất không được cấp Giấy chứng nhận. Như vậy, gia đình ông Đ đã sử dụng diện tích 35,8m² đất (có thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ổn định, liên tục vào mục đích để ở kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất năm 1988 (trước ngày 15/10/1993) đến thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, nhà ở theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định trong tổng diện tích 57m² đất thu hồi tại Dự án do gia đình bà Nguyễn A Đ sử dụng có: 17,2m² đất ở đã được UBND huyện T L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 829264 của UBND huyện T L cấp ngày 30/12/2011; 35,8m² đất ở của hộ gia đình (sử dụng đất ổn định, liên tục vào mục đích để ở trước ngày 15/10/1993 đến thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 101 Luật đất đai 2013); 04m² diện

tích đất có nguồn gốc là đất giao thông sử dụng chung do UBND phường X quản lý do người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 1/7/2004 đến nay;

Từ những phân tích trên nhận thấy: Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định Điều 69 Luật đất đai 2013. Về nội dung, Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B xác định nguồn gốc đất thu hồi chưa đúng với quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và điểm 3 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy bỏ một phần Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất liên quan đến nguồn gốc đất.

Xét Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) tại phường X, quận B và Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) tại phường X, quận B, thấy rằng:

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành, Quyết định số 7988/QĐ-UBND được UBND quận B ban hành cùng Quyết định số 7936/QĐ-UBND của về việc thu hồi đất trong ngày 28/12/2018 đảm bảo về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành theo đúng quy định Điều 67, 69 Luật đất đai 2013.

Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất được ban hành theo Thông báo 310/TB-VP ngày 21/8/2020 của Văn phòng UBND thành phố H về việc kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố H tại cuộc họp xem xét xác định vị trí thửa đất làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại của một số công dân khi thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 đoạn M - Cầu T cũng đảm bảo về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành theo đúng quy định Điều 67, 69 Luật đất đai 2013.

Về căn cứ ban hành 02 Quyết định, Hội đồng xét xử xem xét thấy:

Bồi thường về đất: Diện tích 17,2m² đất ở đã được cấp Giấy CNQSD xác định vị trí 01 đường Phạm V Đ, áp đơn giá theo Văn bản số 310/TB-VP ngày 21/8/2020 của UBND thành phố H cho phép áp dụng giá đất được xác định theo vị trí 1 đường Phạm V Đ nhân hệ số 0,9 đơn giá theo Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 (Đơn giá: 65.670.000 đồng x 0,9 = 59.103.000 đồng (theo vị trí 1 đường Phạm V Đ x hệ số k=0,9)) để bồi thường đối với phần diện tích đất ở là phù hợp với thực tế sử dụng đất của hộ gia đình ông Đ.

Diện tích 35,8m² đất không bồi thường, hỗ trợ vì UBND quận cho rằng đất có nguồn gốc đất quốc phòng là không phù hợp với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Đ. Theo phân tích trên, diện tích 35,8m² đất được gia đình ông Đ sử dụng ổn định, liên tục vào mục đích để ở kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất năm 1988 (trước ngày 15/10/1993) đến thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, nhà ở theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013. Như vậy, căn cứ quy định tại khoản 2,3 Điều 101 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 20, khoản 1 và điểm b, c khoản 2 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì đất của gia đình ông Đ thuộc trường hợp đủ điều kiện để được công nhận là đất ở tại thời điểm có quyết định thu hồi để được hưởng bồi thường về đất hoặc nhà ở khi Nhà nước thu hồi theo khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013. Vị trí đất, đơn giá đất được áp dụng theo Văn bản số 310/TB-VP ngày 21/8/2020 của UBND thành phố H cụ thể vị trí 1 đường Phạm V Đ nhân hệ số 0,9 đơn giá theo Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND TP Hà Nội (Đơn giá: 65.670.000 đồng x 0,9 = 59.103.000 đồng (theo vị trí 1 đường Phạm V Đ x hệ số k = 0,9)) để bồi thường đối với diện tích 35,8m² đất ở.

Diện tích 04m² đất có nguồn gốc là đất giao thông sử dụng chung do UBND phường X quản lý do người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 01/7/2004 đến nay không được bồi thường hỗ trợ là đúng quy định của pháp luật.

Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

Theo Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 7988 ngày 28/12/2018 của UBND quận B xác định công trình trên đất có nhà 3 tầng 1 tum, tường xây gạch 110, mái bằng BTCT, tôn xung quanh, mái lợp tôn, khung vì kèo thép. Cũng tại Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm Quyết định số 7988, UBND quận B không xác định công trình nhà ở xây dựng trên phần diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận để bồi thường theo đơn giá xây dựng. UBND quận B đã tính toàn bộ phần công trình xây dựng trên đất của hộ gia đình ông Đ được hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong tổng diện tích 57m² đất thu hồi của gia đình ông Đ có 17,2m² được cấp Giấy CNQSD đất, còn lại là đất lưu không do UBND phường quản lý, người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh. Biên bản kiểm đếm ngày 27/12/2016 của Hội đồng BTHT và TĐC không xác định thời điểm gia đình ông Đ xây dựng công trình; Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 829264 thể hiện có 01 nhà cấp 4 diện tích sàn 15,5m²/17,2m² xây dựng đã được UBND xã X ký xác nhận đóng dấu. Tuy nhiên UBND quận B xác định công trình nhà ở xây dựng trên phần diện tích đất đã được cấp GCN đất được tạo lập sau năm 2011 (không phù hợp với GCN QSDĐ được cấp năm 2011) và không có Giấy phép xây dựng (Người khởi kiện không xuất trình được giấy phép xây dựng) do đó UBND quận B đã áp dụng phương án bồi thường hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng là phù hợp

với quy định tại khoản 3 điều 14 Quyết định 10/2017 nên yêu cầu khởi kiện về bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền của ông Đ không có căn cứ chấp nhận.

Các khoản bồi thường hỗ trợ khác:

Hỗ trợ di chuyển ở tạm và ổn định đời sống: Tại địa chỉ GPMB, gia đình ông Đ có 02 gia đình gồm 08 nhân khẩu đang sinh sống. UBND quận B đã hỗ trợ ổn định đời sống với 08 nhân khẩu là đảm bảo quyền lợi của người dân theo đúng quy định Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Chính sách tái định cư: Gia đình ông Đ bị thu hồi diện tích 57m² đất, diện tích đất còn lại 0,1m² đất không đủ điều kiện xây dựng theo quy định tại Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND thành phố H. Theo Giấy xác nhận của UBND phường X và Sổ hộ khẩu của gia đình xác định đối với gia đình ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B có 02 gia đình gồm 8 nhân khẩu đang ăn ở, sinh sống tại địa chỉ GPMB. UBND quận B đã xem xét chính sách tái định cư cho gia đình ông Đ để đảm bảo quyền lợi của người dân khi bị Nhà nước thu hồi đất. Vấn đề này không nằm trong nội dung khởi kiện của ông Nguyễn A Đ nên Tòa không giải quyết.

Xét Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 5/3/2019 của Chủ tịch UBND quận B v/v cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) tại phường X, quận B, thấy rằng đây là Quyết định hành chính có liên quan. Chủ tịch UBND quận B căn cứ luật Đất đai 2013 và các quy định pháp luật hiện hành để ban hành Quyết định số 1008/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền và có căn cứ. Về nội dung áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn A Đ và bà Nguyễn T B đang sử dụng 57m² thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ 44, bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X do không chấp hành Quyết định số 7936/QĐ-UBND và Quyết định số 7988/QĐ-UBND về thu hồi đất và phương án bồi thường là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên nhận thấy: Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định Điều 69 Luật đất đai 2013. Về nội dung, Quyết định số 1371, số 7988 được ban hành đối với nội dung tính giá trị bồi thường về đất không có căn cứ pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của Người khởi kiện. Do đó, chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A Đ hủy một phần Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Về án phí: Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A Đ nên ông Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

UBND quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 66; Điều 69; Điều 75, Điều 82 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Điều 18, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A Đ yêu cầu hủy:

- Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai D – Cầu T) tại phường X, quận B;

- Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai D – Cầu T tại phường X, quận B;

- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B v/v phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai D – Cầu T tại phường X, quận B;

2. Hủy 1 phần Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai D – Cầu T) tại phường X, quận B đối với nội dung xác nhận về nguồn gốc đất

Hủy 1 phần Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai D – Cầu T tại phường X, quận B đối với nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất.

Hủy 1 phần Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND quận B v/v phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định

cur để thực hiện dự án Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai D – Cầu T tại phường X, quận B đối với nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân quận B mỗi Người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm (chưa nộp).

Hoàn trả ông Nguyễn A Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001247 ngày 13/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo :

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án..

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T K T